

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11/01/2023

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tô Văn Nhung;

Bà Hoàng Lệ Chi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 491/2022/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 233/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số:136/2022/QĐST - HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trinh Thi L, sinh năm 1980; thường trú: Số 17/02/13 (số cũ 5/30), đường L, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh B, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Khắc Tr, sinh năm 1973; thường trú: Xóm 5 H, xã C, huyện L, tỉnh H; tạm trú: Tổ 13A, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh B, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá Tr tố tụng, nguyên đơn bà Trinh Thi L Tr bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, bà Trinh Thi L và ông Trần Khắc Tr tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã L (nay là thị trấn H), huyện H, tỉnh T. Việc kết hôn của bà L và ông Tr là tự nguyện và được hai bên gia đình chấp nhận.

Sau khi kết hôn vợ chồng cùng thuê nhà ở trọ để sinh sống và làm việc tại Dĩ An, Bình Dương. Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông Tr hay bỏ nhà ra đi, không nói lý do, không cùng bà L chăm lo cho gia đình và đánh đập bà. Xuất phát từ những mâu thuẫn trên, vào năm 2018 bà L nộp đơn xin ly hôn, Toà án nhân dân thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương đã thụ lý và giải quyết. Quá Tr giải quyết bà L rút đơn khởi kiện vì muốn cho vợ chồng có thêm cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng, cùng nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, sau khi rút đơn thì ông Tr vẫn tính nào tạt nẩy, đánh đập bà nhiều hơn. Cho nên, vợ chồng đã ly thân từ ngày 08/8/2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay bà Trinh Thi L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông Trần Khắc Tr.

Về con chung: Quá Tr chung sống ông, bà có 02 con chung là cháu Trần Trịnh Minh A, sinh ngày 03/8/2004 và Trần Khắc Minh Đ, sinh ngày 26/01/2009. Hiện 02 con chung đang ở với bà L. Bà L yêu cầu sau ly hôn con chung là cháu Trần Khắc Minh Đ sẽ do bà L trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con. Còn con chung là cháu Trần Trịnh Minh A đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Trinh Thi L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trần Khắc Tr: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu ông Tr có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L nhưng ông Tr không có ý kiến, đồng thời cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu ông Tr tham gia hòa giải vào ngày 28/11/2022 nhưng ông Tr vắng mặt không có lý do, đồng thời bà L có đơn từ chối hòa giải. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu ông Tr tham gia phiên tòa vào ngày 23/12/2022 và ngày 11/01/2023 nhưng ông Tr vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Quá Tr tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không chấp hành theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa vào ngày 23/12/2022 và ngày 11/01/2023 nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trinh Thi L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Trần Khắc Tr đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trinh Thi L và ông Trần Khắc Tr là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Tân (nay là thị trấn Hậu Lộc), huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 22/4/2004 theo giấy chứng nhận kết hôn số 49, quyền số 01/2004 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá Tr tố tụng, bà L xác định trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn cụ thể là do ông Tr hay tự bỏ nhà ra đi, nhiều lần đánh đập bà, không cùng bà chăm lo cho gia đình, năm 2018 bà nộp đơn xin ly hôn nhưng vì muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng chăm lo cho con cái nên bà đã rút đơn, tuy nhiên sau khi rút đơn thì tình cảm vợ chồng của bà vẫn không cải thiện, các mâu thuẫn vẫn tiếp tục xảy ra, vợ chồng ly thân từ tháng 8/2022 cho đến nay. Quá Tr tố tụng, Tòa án triệu tập ông Tr đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L và cung cấp chứng cứ liên quan đến vụ án nhưng ông Tr không đến. Điều này chứng tỏ bản thân ông Tr cũng không muốn vợ chồng có cơ hội để đoàn tụ với nhau, còn bà L xác định không còn tình cảm với ông Tr, hiện ông, bà đang ly thân. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông Tr đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà L yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Quá Tr chung sống ông, bà có 02 con chung là cháu Trần Trịnh Minh A, sinh ngày 03/8/2004 và Trần Khắc Minh Đ, sinh ngày 26/01/2009. Hiện 02 con chung đang sống cùng với bà L. Việc giao con cho ai nuôi phải bảo đảm quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, trong suốt quá Tr tố tụng ông Tr không có ý kiến thể hiện nguyện vọng mong muốn nuôi con chung hay không, hơn nữa trong khoảng thời gian hai vợ chồng không sống chung với nhau thì con chung do bà L nuôi dưỡng, để tránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu Đăng, nên cần tiếp tục giao cháu Đăng cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, điều này cũng đúng với nguyện vọng của cháu Đăng. Do đó, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Trần Khắc Minh Đ là phù hợp. Còn cháu Trần Trịnh Minh A đã trưởng thành, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về cấp dưỡng: Bà Trinh Thi L tự nguyện không yêu cầu ông Trần Khắc Tr cấp dưỡng nuôi con, xét đây là sự tự nguyện của bà L nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Trinh Thi L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[3] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trinh Thi L phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trinh Thi L được ly hôn với ông Trần Khắc Tr (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 49, quyển số 01/2004 do Ủy ban nhân dân xã Lộc Tân (nay là thị trấn Hậu Lộc), huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 22/4/2004).

2. Về con chung: Ông Trần Khắc Tr có trách nhiệm giao con chung là cháu Trần Khắc Minh Đ, sinh ngày 26/01/2009 cho bà Trinh Thi L tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trinh Thi L không yêu cầu ông Trần Khắc Tr cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu Trần Trịnh Minh A, sinh ngày 03/8/2004 đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

Sau ly hôn, ông Trần Khắc Tr có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con. Bà Trinh Thi L không có quyền cản trở ông Trần Khắc Tr thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Trinh Thi L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trinh Thi L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000629 ngày 17/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND thị trấn H, huyện H, tỉnh T
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy